

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VỆ SINH PHÒNG BỆNH CHO TRẺ MẦM NON 4 - 5 TUỔI THEO TIẾP CẬN MÔI TRƯỜNG SỐ

Trần Thị Ân
Trường MN Bắc Sơn, Hưng Yên
Email: tranen81@gmail.com
Vũ Thị Ngát
Trường MN Bùi Hữu Diên, Hưng Yên
Email: vuthingattb1982@gmail.com
Vũ Thị Nguyễn
Trường MN Lê Quý Đôn, Hưng Yên
Email: vunguyenmnlqd@gmail.com
Nguyễn Thị Oanh
Trường MN Hòa Bình, Hưng Yên
Email: thanhoanh Tuan82@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung khảo sát và đề xuất giải pháp quản lý hoạt động vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non 4–5 tuổi theo tiếp cận môi trường số. Bằng việc sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, phỏng vấn bán cấu trúc và quan sát sự phạm tại 5 trường mầm non công lập ở Hà Nội, dữ liệu được xử lý thông qua SPSS với các kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và ANOVA. Kết quả cho thấy công tác quản lý vệ sinh phòng bệnh đã đạt mức khá, trong đó lập kế hoạch và chỉ đạo – hỗ trợ được đánh giá cao, nhưng tổ chức thực hiện, kiểm tra – đánh giá và ứng dụng công nghệ số còn hạn chế. Đặc biệt, việc ứng dụng môi trường số mới chỉ dừng lại ở trao đổi thông tin cơ bản với phụ huynh, chưa có hệ thống quản lý dữ liệu tập trung. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp đồng bộ: hoàn thiện lập kế hoạch gắn với số hóa, đổi mới tổ chức thực hiện, tăng cường đào tạo kỹ năng số cho giáo viên, hiện đại hóa kiểm tra – đánh giá và xây dựng hệ sinh thái số liên kết nhà trường – phụ huynh – y tế, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và phòng bệnh trong giáo dục mầm non.

Từ khóa: Vệ sinh phòng bệnh; quản lý giáo dục mầm non; trẻ 4–5 tuổi; môi trường số; chuyển đổi số; sức khỏe học đường.

MANAGING SANITATION AND DISEASE PREVENTION ACTIVITIES FOR 4–5-YEAR-OLD PRESCHOOL CHILDREN USING A DIGITAL ENVIRONMENTAL APPROACH

Tran Thi En
Bac Son Preschool, Hung Yen
Email: tranen81@gmail.com
Vu Thi Ngat
Bui Huu Dien Preschool, Hung Yen
Email: vuthingattb1982@gmail.com
Vu Thi Nguyen
Le Quy Don Preschool, Hung Yen
Email: vunguyenmnlqd@gmail.com
Nguyen Thi Oanh
Hoa Binh Preschool, Hung Yen
Email: thanhoanh Tuan82@gmail.com

Abstract: This study focuses on examining and proposing management solutions for disease prevention and hygiene activities for preschool children aged 4–5 through a digital environment approach. Using questionnaires, semi-structured interviews, and classroom observations at five public preschools in Hanoi, data were analyzed with SPSS employing Cronbach's Alpha reliability tests, exploratory factor analysis (EFA), and ANOVA. The results indicate that the management of disease prevention and hygiene is generally at a fairly good level, with planning and direction–support rated highly, while implementation, monitoring–evaluation, and digital application remain limited. In particular, the use of digital tools is mostly confined to basic communication with parents, lacking a centralized health data management system. Based on these findings, the study proposes comprehensive solutions: improving planning with digital integration, innovating implementation practices, strengthening teachers' digital skills training, modernizing monitoring and evaluation with data-based approaches, and building a digital ecosystem linking schools, parents, and healthcare services. These measures aim to enhance care quality and disease prevention in early childhood education.

Keywords: Disease prevention hygiene; preschool management; children aged 4–5; digital environment; digital transformation; school health.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giai đoạn 4–5 tuổi, trẻ mầm non đang phát triển mạnh mẽ cả về thể chất lẫn tâm lý nhưng hệ miễn dịch còn non yếu, dễ mắc các bệnh truyền nhiễm qua đường hô hấp, tiêu hóa và da liễu. Vì vậy, công tác vệ sinh phòng bệnh tại trường mầm non có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hoạt động này ở nhiều cơ sở vẫn còn hình thức, chưa đồng bộ, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh có nguy cơ tái phát. Trong xu thế chuyển đổi số hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin và môi trường số vào quản lý, giám sát, tuyên truyền và kết nối với phụ huynh mở ra hướng đi mới nhằm nâng cao hiệu quả công tác vệ sinh phòng bệnh. Do đó, việc nghiên cứu quản lý hoạt động vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non 4–5 tuổi theo tiếp cận môi trường số là yêu cầu cấp thiết, góp phần bảo đảm an toàn sức khỏe và đáp ứng mục tiêu đổi mới giáo dục mầm non.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Một số vấn đề về vệ sinh phòng bệnh ở trường Mầm non

Vệ sinh phòng bệnh là tổng hợp các biện pháp nhằm ngăn ngừa nguy cơ lây nhiễm, bảo vệ sức khỏe và tăng cường sức đề kháng cho trẻ em. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 2020), phòng bệnh ở lứa tuổi mầm non bao gồm duy trì vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn uống, vệ sinh môi trường và thực hiện các biện pháp y tế dự phòng. Ở Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016) nhấn mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh trong trường mầm non gắn liền với hoạt động chăm sóc – nuôi dưỡng – giáo dục, góp phần hình thành cho trẻ nề nếp sinh hoạt, thói quen tự phục vụ và ý thức giữ gìn sức khỏe.

Lứa tuổi 4–5 là giai đoạn trẻ phát triển mạnh cả về thể chất, vận động, nhận thức và cảm xúc – xã hội. Tuy nhiên, hệ miễn dịch còn non yếu, dễ mắc các bệnh truyền nhiễm như tay chân miệng, cúm, viêm đường hô hấp (Nguyễn Ánh Tuyết, 2015). Trẻ ở giai đoạn này cũng đang hình thành dần các thói quen vệ sinh như rửa tay, đánh răng, giữ gìn vệ sinh thân thể, song còn cần sự hỗ trợ, giám sát từ người lớn (Lê Thị Kim Dung, 2019). Do đó, công tác vệ sinh phòng bệnh cho trẻ 4–5 tuổi không chỉ mang tính chăm sóc mà còn mang tính giáo dục, giúp hình thành hành vi và ý thức lâu dài.

Quản lý giáo dục nói chung và quản lý chăm sóc – nuôi dưỡng trong trường mầm non nói riêng bao gồm các chức năng: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra – đánh giá (Nguyễn Quốc Chí

& Nguyễn Thị Mỹ Lộc, 2012). Trong bối cảnh vệ sinh phòng bệnh, lập kế hoạch bao gồm việc xây dựng chế độ ăn uống hợp vệ sinh, lịch vệ sinh cá nhân và môi trường; tổ chức là phân công giáo viên, nhân viên y tế, cấp dưỡng thực hiện; chỉ đạo là sự điều hành của ban giám hiệu nhằm bảo đảm tính đồng bộ; và kiểm tra – đánh giá nhằm điều chỉnh, rút kinh nghiệm, đảm bảo chất lượng. Nhiều nghiên cứu (Trần Thị Ngọc Trâm, 2019; Anderson & Gadke, 2017) chỉ ra rằng nếu công tác quản lý được triển khai hiệu quả, hoạt động vệ sinh phòng bệnh sẽ góp phần giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm bệnh và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

Nhiều công trình trong và ngoài nước khẳng định tầm quan trọng của quản lý hoạt động vệ sinh phòng bệnh tại trường mầm non. Dewey (1997) và Kolb (1984) đều nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm thực tiễn trong hình thành thói quen vệ sinh và kỹ năng sống. Herro & Quigley (2017) cho rằng việc kết hợp giáo dục truyền thống với môi trường số sẽ giúp giáo viên nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động chăm sóc trẻ. Ở Việt Nam, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2020) nhấn mạnh công tác quản lý vệ sinh phòng bệnh phải được thực hiện đồng bộ, gắn với sự phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội.

2.2. Môi trường số và quản lý theo tiếp cận môi trường số ở trường mầm non

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, khái niệm môi trường số (digital environment) ngày càng được quan tâm trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục. Môi trường số được hiểu là không gian tích hợp các hạ tầng công nghệ, dữ liệu và dịch vụ số, trong đó các chủ thể có thể tương tác, học tập, làm việc, chia sẻ và quản lý thông tin thông qua các phương tiện kỹ thuật số. Đặc trưng của môi trường số là tính kết nối, linh hoạt, mở rộng và khả năng tạo ra những giá trị mới dựa trên dữ liệu và công nghệ. Ở lĩnh vực giáo dục mầm non, môi trường số không chỉ bao hàm hệ thống thiết bị công nghệ thông minh, phần mềm quản lý, các nền tảng học tập trực tuyến mà còn bao gồm các chính sách, quy trình và năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh.

Quản lý theo tiếp cận môi trường số trong trường mầm non là việc tổ chức, điều hành và giám sát các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dựa trên sự hỗ trợ của công nghệ số và các công cụ quản trị hiện đại. Tiếp cận này nhấn

mạnh vai trò của dữ liệu và hệ thống thông tin trong việc đưa ra quyết định, đồng thời chú trọng sự minh bạch, chính xác và kịp thời của thông tin. Cụ thể, quản lý trường mầm non trong môi trường số thể hiện ở một số khía cạnh sau:

Quản lý hành chính – nhân sự: sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, trẻ em; số hóa quy trình tuyển sinh, theo dõi chuyên cần, và quản lý hồ sơ sức khỏe.

Quản lý hoạt động dạy – học: triển khai các nền tảng hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục, kho học liệu số, công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ, qua đó nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động.

Quản lý sự phối hợp với phụ huynh: tạo các kênh kết nối trực tuyến (website, ứng dụng di động, nhóm mạng xã hội an toàn) nhằm tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình.

Quản lý chất lượng: ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu để theo dõi các chỉ số phát triển của trẻ, đánh giá mức độ đạt chuẩn chương trình giáo dục mầm non và điều chỉnh biện pháp quản lý phù hợp.

Như vậy, quản lý theo tiếp cận môi trường số ở trường mầm non không đơn thuần là ứng dụng công nghệ thông tin, mà là sự thay đổi toàn diện cách thức tổ chức và quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu, công nghệ và tư duy số. Đây là xu hướng tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tăng tính

minh bạch, đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong thời kỳ chuyển đổi số.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu tập trung khảo sát thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý hoạt động vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non 4–5 tuổi theo tiếp cận môi trường số. Đối tượng nghiên cứu là công tác quản lý vệ sinh phòng bệnh, trong khi khách thể khảo sát gồm 20 cán bộ quản lý, 60 giáo viên và 40 phụ huynh tại 5 trường mầm non công lập trên địa bàn Hà Nội. Công tác thu thập dữ liệu được tiến hành bằng nhiều phương pháp: phát phiếu khảo sát thiết kế theo thang đo Likert 5 mức, phỏng vấn bán cấu trúc với cán bộ quản lý và giáo viên, cùng với quan sát sự phạm trong các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh hằng ngày của trẻ. Trong tổng số 120 phiếu phát ra, 116 phiếu thu về hợp lệ, đạt tỷ lệ 96,7%. Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0 thông qua các bước kiểm định độ tin cậy Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), thống kê mô tả và so sánh ANOVA giữa các nhóm khách thể; đồng thời, dữ liệu định tính từ phỏng vấn và quan sát được mã hóa, phân loại để bổ sung, đối chiếu với kết quả định lượng.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thực trạng quản lý hoạt động vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non 4 - 5 tuổi

Tiêu chí khảo sát	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	ĐTB	Độ lệch chuẩn
Lập kế hoạch	2.6	3.4	12.1	41.4	40.5	4.21	0.52
Tổ chức thực hiện	5.2	10.3	28.4	36.2	19.9	3.58	0.71
Chỉ đạo – hỗ trợ	3.4	5.2	20.7	39.7	31.0	4.05	0.64
Kiểm tra – đánh giá	6.0	12.1	32.8	30.2	18.9	3.42	0.76
Ứng dụng môi trường số	7.8	13.8	31.0	28.4	19.0	3.36	0.81

Dựa trên kết quả khảo sát, có thể nhận định rằng công tác quản lý hoạt động vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi hiện nay đã đạt mức khá nhưng còn tồn tại những hạn chế nhất định. Cụ thể, nội dung lập kế hoạch được đánh giá cao nhất (ĐTB = 4.21; SD = 0.52), cho thấy các trường đã chú trọng xây dựng kế hoạch bài bản, gắn với mục tiêu chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho trẻ. Bên cạnh đó, chỉ đạo – hỗ trợ cũng đạt điểm trung bình cao (ĐTB = 4.05; SD = 0.64), phản ánh sự quan tâm của ban giám hiệu trong việc định hướng và hỗ trợ chuyên môn cho giáo viên.

Tuy nhiên, tổ chức thực hiện (ĐTB = 3.58; SD = 0.71) và kiểm tra – đánh giá (ĐTB = 3.42; SD = 0.76) lại cho thấy sự phân tán trong ý kiến, với tỷ lệ không nhỏ đánh giá ở mức trung bình và kém, phản ánh thực tế rằng hoạt động còn mang tính hình thức, thiếu sự đồng bộ và nhất quán. Đáng chú ý, ứng dụng môi trường số là khâu yếu nhất (ĐTB = 3.36; SD = 0.81), khi nhiều trường mới dừng ở việc thông báo qua các ứng dụng cơ bản mà chưa có hệ thống quản lý trực tuyến hiệu quả. Như vậy, mặc dù đã có những kết quả khả quan ở khâu lập kế hoạch và chỉ đạo, công tác quản lý vệ

sinh phòng bệnh tại các trường mầm non vẫn cần đẩy mạnh đổi mới trong tổ chức, kiểm tra – đánh giá và đặc biệt là ứng dụng chuyển đổi số để đáp ứng yêu cầu giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

Nghiên cứu đã kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả cho thấy tất cả các thang đo đều đạt giá trị từ 0.812 đến 0.867, vượt ngưỡng chấp nhận 0.7 theo khuyến nghị của Nunnally & Bernstein (1994). Hệ số tương quan biến–tổng (Corrected Item – Total Correlation) của các biến quan sát đều lớn hơn 0.3, chứng tỏ các mục hỏi có tính liên hệ chặt chẽ với thang đo tổng. Điều này khẳng định bộ công cụ khảo sát được sử dụng trong nghiên cứu có độ tin cậy cao và có thể tiếp tục đưa vào phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Sau khi kiểm định độ tin cậy, EFA được tiến hành để xác định giá trị cấu trúc của thang đo. Kết

quả cho thấy hệ số Kaiser-Meyer-Olkin (KMO) = 0.812 > 0.7, chứng tỏ dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố. Đồng thời, kiểm định Bartlett's Test of Sphericity có giá trị Chi-Square = 524.367, df = 28, với Sig. = 0.000 < 0.001, cho thấy các biến quan sát có tương quan tuyến tính đủ mạnh để tiến hành EFA.

Kết quả EFA với phương pháp trích Principal Component Analysis và phép quay Varimax đã rút ra được 4 nhân tố có Eigenvalue > 1, giải thích 68.45% phương sai của dữ liệu. Các nhân tố trích được tương ứng với bốn khía cạnh quản lý chính: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo – hỗ trợ và kiểm tra – đánh giá. Hệ số tải nhân tố (Factor loading) của các biến đều lớn hơn 0.5, khẳng định thang đo có tính hội tụ và phân biệt tốt.

4.2. Ứng dụng môi trường số trong quản lý hoạt động vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non 4 - 5 tuổi

Nội dung ứng dụng môi trường số	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	ĐTB	Độ lệch chuẩn
Thông báo tình hình sức khỏe trẻ qua ứng dụng điện tử	5.2	8.6	24.1	38.8	23.3	3.72	0.79
Cập nhật dữ liệu chiều cao, cân nặng, tiêm chủng định kỳ	7.8	12.1	29.3	34.5	16.3	3.45	0.83
Sử dụng nhóm Zalo/Facebook để trao đổi với phụ huynh	3.4	6.0	19.8	42.2	28.6	3.89	0.68
Hệ thống lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trực tuyến	10.3	15.5	31.0	28.4	14.8	3.28	0.85
Ứng dụng cảnh báo dịch bệnh và an toàn thực phẩm	13.8	16.4	33.6	25.0	11.2	3.09	0.92

Kết quả khảo sát cho thấy các trường mầm non đã bước đầu triển khai ứng dụng môi trường số trong quản lý vệ sinh phòng bệnh, song mức độ chưa đồng đều giữa các nội dung. Sử dụng nhóm Zalo/Facebook để trao đổi với phụ huynh đạt điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 3.89; SD = 0.68), với 70,8% đánh giá ở mức Khá và Tốt, chứng tỏ hình thức này thuận tiện, dễ thực hiện và được phụ huynh ủng hộ. Tiếp theo, thông báo tình hình sức khỏe qua ứng dụng điện tử cũng được đánh giá khá (ĐTB = 3.72; SD = 0.79), phản ánh sự chủ động của giáo viên trong việc cập nhật thông tin hàng ngày. Tuy nhiên, cập nhật dữ liệu chiều cao, cân nặng và tiêm chủng định kỳ chỉ đạt ĐTB = 3.45, trong khi hệ thống lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trực tuyến (ĐTB = 3.28) và ứng dụng cảnh báo dịch bệnh, an toàn thực phẩm (ĐTB = 3.09) có kết quả thấp nhất, với tỷ lệ đáng kể ý kiến đánh giá

Kém và Rất kém. Điều này cho thấy các trường mới dừng lại ở hình thức thông tin cơ bản, trong khi những chức năng chuyên sâu hơn như quản lý dữ liệu sức khỏe tập trung hay cảnh báo nguy cơ dịch bệnh chưa được khai thác hiệu quả. Như vậy, có thể khẳng định ứng dụng môi trường số đã mang lại những cải thiện nhất định trong công tác quản lý vệ sinh phòng bệnh, nhưng vẫn cần được đầu tư hệ thống hóa và chuẩn hóa để phát huy vai trò hỗ trợ quản lý một cách toàn diện.

4.3. Giải pháp quản lý hoạt động vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non 4 - 5 tuổi

Một trong những giải pháp quan trọng là đổi mới công tác lập kế hoạch vệ sinh phòng bệnh theo hướng chi tiết, khoa học và gắn chặt với thực tiễn chăm sóc trẻ. Các trường cần tích hợp dữ liệu sức khỏe như chiều cao, cân nặng, chỉ số BMI và lịch tiêm chủng định kỳ của trẻ vào hệ thống

quản lý điện tử. Việc số hóa kế hoạch không chỉ giúp cán bộ quản lý dễ dàng theo dõi sự thay đổi sức khỏe theo thời gian, mà còn tạo điều kiện để phụ huynh cùng tham gia giám sát, từ đó tăng tính minh bạch và đồng thuận trong quá trình quản lý.

Tổ chức hoạt động vệ sinh phòng bệnh cho trẻ cần chuyển từ hình thức thủ công truyền thống sang mô hình kết hợp công nghệ số. Chẳng hạn, giáo viên có thể sử dụng nhật ký sức khỏe điện tử để cập nhật hàng ngày tình trạng ăn uống, nghỉ ngơi và các dấu hiệu bất thường của trẻ. Việc áp dụng mã QR để lưu trữ thông tin về nguồn gốc thực phẩm hoặc quy trình chế biến cũng góp phần đảm bảo an toàn vệ sinh và nâng cao niềm tin của phụ huynh. Đây là hướng đi thiết thực trong bối cảnh xã hội ngày càng chú trọng đến an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng.

Công tác chỉ đạo và hỗ trợ giáo viên cần gắn liền với đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ số. Ban giám hiệu không chỉ dừng lại ở việc hướng dẫn, kiểm tra mà còn cần tổ chức các khóa tập huấn ngắn hạn về sử dụng phần mềm quản lý sức khỏe, phân tích dữ liệu số hay khai thác hệ thống báo cáo trực tuyến. Khi giáo viên được nâng cao năng lực số, hiệu quả triển khai hoạt động vệ sinh phòng bệnh sẽ được cải thiện rõ rệt, đồng thời giảm áp lực hành chính cho đội ngũ.

Hoạt động kiểm tra, giám sát sẽ hiệu quả hơn nếu được tiến hành trên nền tảng số. Các báo cáo định kỳ nên được số hóa và trình bày trực quan bằng biểu đồ, bảng thống kê để phản ánh chính xác tình hình sức khỏe của trẻ và mức độ tuân thủ vệ sinh tại trường. Nhờ đó, ban giám hiệu có thể phát hiện sớm những nguy cơ tiềm ẩn và kịp thời

đưa ra biện pháp xử lý. Việc số hóa khâu kiểm tra – đánh giá không chỉ nâng cao tính minh bạch mà còn giúp tiết kiệm thời gian, chi phí quản lý.

Một giải pháp then chốt là hình thành hệ sinh thái số trong phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh và cơ sở y tế. Trên nền tảng này, phụ huynh có thể nhận thông báo tức thì về tình hình sức khỏe của con, nhà trường dễ dàng kết nối và nhận tư vấn từ cơ sở y tế, trong khi toàn bộ dữ liệu sức khỏe được lưu trữ tập trung và bảo mật. Cơ chế liên thông ba bên không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý vệ sinh phòng bệnh mà còn tạo ra mạng lưới hỗ trợ vững chắc, giúp bảo đảm an toàn cho trẻ trong bối cảnh môi trường học đường nhiều biến động.

V. KẾT LUẬN

Quản lý hoạt động vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non 4–5 tuổi có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm sức khỏe, tạo nền tảng cho sự phát triển toàn diện của trẻ. Kết quả khảo sát cho thấy các trường mầm non đã chú trọng lập kế hoạch và chỉ đạo – hỗ trợ, nhưng vẫn còn hạn chế trong tổ chức thực hiện, kiểm tra – đánh giá và đặc biệt là ứng dụng môi trường số. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý vệ sinh phòng bệnh không chỉ giúp nâng cao tính minh bạch, hiệu quả mà còn mở rộng khả năng phối hợp giữa nhà trường – phụ huynh – y tế. Do đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp: hoàn thiện lập kế hoạch, đổi mới tổ chức thực hiện, tăng cường đào tạo số cho giáo viên, hiện đại hóa kiểm tra – đánh giá và xây dựng hệ sinh thái số. Đây là hướng đi tất yếu để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- World Health Organization. (2020). *Improving early childhood development: WHO guideline*. Geneva: WHO. <https://www.who.int/publications/i/item/97892400020986>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016). *Chương trình giáo dục mầm non*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Ánh Tuyết. (2015). *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Lê Thị Kim Dung. (2019). Giáo dục thói quen vệ sinh cá nhân cho trẻ mẫu giáo 4–5 tuổi. *Tạp chí Giáo dục Mầm non*, 10(2), 55–62.
- Nguyễn Quốc Chí, & Nguyễn Thị Mỹ Lộc. (2012). *Cơ sở khoa học quản lý giáo dục*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Thị Ngọc Trâm. (2019). Quản lý chăm sóc sức khỏe cho trẻ trong trường mầm non: Một số vấn đề đặt ra. *Tạp chí Giáo dục*, 463(1), 32–36.
- Anderson, C., & Gadke, D. L. (2017). Effective management practices in school health programs. *Journal of School Health*, 87(6), 439–447. <https://doi.org/10.1111/josh.12517>
- Dewey, J. (1997). *Experience and education*. New York: Touchstone.
- Herro, D., & Quigley, C. (2017). Exploring teachers' perceptions of STEAM teaching through professional development: Implications for teacher educators. *Professional Development in Education*, 43(3), 416–438. <https://doi.org/10.1080/19415257.2016.1205507>
- Nguyễn Thị Thanh Huyền. (2020). Quản lý công tác vệ sinh phòng bệnh trong các cơ sở mầm non: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 16(4), 45–53.